TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 46

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số thập phân gồm 86 đơn vị, 7 phần mười và 4 phần nghìn viết là:

A. 86,704 **B.** 860,704 **C.** 86,74 **D.** 86,0704

Câu 2. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 81,26 …… 81,3

A. > **B.** < **C.** =

Câu 3. Một sợi dây dài 51,54 m, sợi dây thứ hai dài hơn sợi dây thứ nhất 24,3 m. Cả hai sợi dây dài:

A. 78,78 m **B.** 127,28 m **C.** 75,84 m **D.** 127,38 m

Câu 4. 79,78 × 0,01 = ……

A. 0,7978 **B.** 797,8 **C.** 79 780 **D.** 7,978

Câu 5. 6044 m = …… km

A. 6,044 **B.** 60,44 **C.** 604,4 **D.** 0,6044

Câu 6. Hình tròn có đường kính 20 cm. Chu vi hình tròn là:

A. 314 cm **B.** 31,4 cm **C.** 62,8 cm **D.** 125,6 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 43,41 …… 43,4

b) 6,1 …… 6,10

c) 8 tấn 500 kg …… 8,5 tấn

d) 4 ha …… 4000 m²

Bài 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Hỗn số 2 1/2 bằng 2,1	
b) Diện tích hình tam giác bằng độ dài đáy nhân với chiều cao	
c) 0,5 = 0,50	
d) Nhân một số thập phân với 0,1 ta chuyển dấu phẩy sang trái một chữ số	

Bài 3. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 270,91 + 26,7 = ……

b) 223,5 − 81,28 = ……

c) 53,4 × 8,2 = ……

d) 10,08 : 2,4 = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 4 m 6 cm = …… m

b) 1 kg 38 g = …… kg

c) 8 ha = …… m²

d) 6200 m² = …… ha

Bài 5. Một thửa ruộng hình thang ABCD có đáy lớn AB = 59 m, đáy bé DC = 15 m, chiều cao 26 m (như hình). Trung bình cứ 1 m² thu hoạch được 1,2 kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

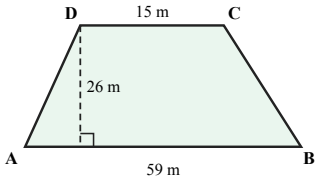

a) Diện tích thửa ruộng: …… m²

b) Số thóc thu hoạch được: …… kg

Bài 6. Một tổ may cắt 8 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 3,2 m vải. Giá mỗi mét vải là 120 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 46

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	D	A	A	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 43,41 > 43,4

b) 6,1 = 6,10

c) 8 tấn 500 kg = 8,5 tấn

d) 4 ha > 4000 m²

Bài 2.

a) S; b) S; c) Đ; d) Đ

Bài 3.

a) 270,91 + 26,7 = 297,61

b) 223,5 − 81,28 = 142,22

c) 53,4 × 8,2 = 437,88

d) 10,08 : 2,4 = 4,2

Bài 4.

a) 4,06

b) 1,038

c) 80 000

d) 0,62

Bài 5.

Diện tích: (59 + 15) × 26 : 2 = 962 (m²)

Số thóc: 962 × 1,2 = 1154,4 (kg)

Bài 6.

Số vải: 3,2 × 8 = 25,6 (m)

Số tiền: 120 000 × 25,6 = 3 072 000 (đồng)